

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **718** /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 31 tháng 3 năm 2025

**HỎA TỐC**

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành đơn giá đối với 34 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp,  
đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách

hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 40/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 188/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Quyết định số 3073/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành đơn giá đối với 34 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025 (áp dụng tạm thời cho đến khi có Quyết định ban hành đơn giá chính thức của cơ quan có thẩm quyền).

(Kèm theo Phụ lục I, Phụ lục II).

**Điều 2.** Phạm vi điều chỉnh; đối tượng hỗ trợ; nguyên tắc hỗ trợ; điều kiện hỗ trợ; mức hỗ trợ chi phí đào tạo; mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại; lập kế hoạch và tổ chức đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo; thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo đối với người học được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo:

1. Chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc đề xuất đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với 34 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này.

2. Chịu trách nhiệm thu hồi phần kinh phí chênh lệch và nộp ngân sách nhà nước theo quy định trong trường hợp đơn giá được ban hành trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng thấp hơn đơn giá tạm thời tại Quyết định này.

3. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Xây dựng rà soát, thống nhất nội dung tại Phụ lục II Quyết định này trước khi tổ chức triển khai thực hiện; trường hợp, có nội dung cần điều chỉnh cho phù hợp thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chỉ đạo các phòng, đơn vị chức năng có liên quan khẩn trương hoàn thành việc tham mưu ban hành đơn giá đối với 55 ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở định mức định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành tại Quyết định số 64/2024/QĐ-UBND và tham mưu ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng đối với 30 ngành, nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được chấp thuận chủ trương tại Công văn số 141/UBND ngày 14/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh **trong 5/2025**.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trưởng Phòng Giao dịch số 9 - Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Như*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- TT. TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX

*anh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Khởi**

## Phụ lục I

**ĐƠN GIÁ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH, NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên ngành, nghề	Đơn giá/học viên (đồng/tháng)
<b>A</b>	<b>Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố</b>	
<b>I</b>	<b>Ngành, nghề riêng lẻ</b>	
1	Chăm sóc hoa kiểng, cây cảnh	800.000
2	Cắt, uốn tóc	500.000
3	Điện dân dụng	500.000
4	Kết cườm	600.000
5	Kỹ năng dẫn chương trình	800.000
6	Kỹ thuật cắm hoa	800.000
7	Kỹ thuật làm nail	400.000
8	Kỹ thuật trồng mía	1.000.000
9	Kỹ thuật xây dựng	400.000
10	Lắp ráp, cài đặt máy vi tính	400.000
11	Máy công nghiệp	700.000
12	Máy dân dụng	500.000
13	Nghệ vụ du lịch cộng đồng	800.000
14	Nhạc công ngũ âm	500.000
15	Nuôi ong mật	800.000
16	Nuôi và phòng trị bệnh cho trâu, bò	800.000
17	Quản lý dịch hại tổng hợp	800.000
18	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	800.000

19	Tin học văn phòng	400.000
20	Trang điểm	400.000
<b>II</b>	<b>Ngành, nghề theo nhóm</b>	
1	Trồng và nhân giống nấm (nấm bào ngư, nấm rơm, linh chi,...)	1.000.000
2	Trồng cây lương thực (lúa, bắp, khoai,...)	800.000
3	Trồng cây gia vị (hành, tỏi, ớt, tiêu,...)	800.000
4	Trồng trọt (các loại cây ăn quả)	800.000
5	Chăn nuôi (gia súc hoặc gia cầm)	800.000
6	Chăn nuôi hữu cơ (gia súc hoặc gia cầm)	1.000.000
7	Chế biến thực phẩm (nấu ăn hoặc pha chế thức uống)	700.000
8	Đan lát hàng thủ công mỹ nghệ	800.000
9	Kỹ thuật trồng màu (rau màu, rau hữu cơ, trồng rau an toàn,...)	800.000
10	Nuôi thủy sản (tôm, cua, cá, ếch, lươn, rắn,...)	1.200.000

\* **Ghi chú:** Đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng tại Phụ lục này là mức học phí người/tháng theo từng ngành, nghề đào tạo làm cơ sở xác định giá đặt hàng đào tạo hoặc lập dự toán các lớp đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp hoặc dưới 3 tháng theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt (chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên theo quy định)./.



**Phụ lục II****ĐƠN GIÁ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH, NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG ĐỐI VỚI NGHỀ LÁI XE TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

STT	Tên ngành, nghề	Đơn giá/học viên (đồng/khóa)
1	Lái xe ô tô hạng B2 và B1.1 (số tự động)	14.500.000
2	Lái xe ô tô hạng C	17.000.000
3	Lái xe ô tô hạng B2 lên hạng C	5.000.000
4	Lái xe ô tô hạng B2 lên hạng D	6.000.000

**\* Ghi chú:**

1. Lớp đào tạo các nghề lái xe ô tô hạng B2, lái xe ô tô hạng B1.1 (số tự động), lái xe ô tô hạng C, lái xe ô tô hạng B2 lên hạng C, lái xe ô tô hạng B2 lên hạng D thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đơn giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp tại Phụ lục này là mức học phí người/khóa theo từng ngành, nghề đào tạo làm cơ sở xác định giá đặt hàng đào tạo trình độ sơ cấp theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt (chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho các đối tượng ưu tiên theo quy định)./.